



DAT XANH GROUP



ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Tháng 04/2015

M C L C

PH N M U	5
I. NH NGH A CÁC THU T NG TRONG I U L	5
i u 1. Gi i thích thu t ng	5
II. TÊN, HÌNH TH C, TR S , CHI NHÁNH, V N PHÒNG I DI N VÀ TH I H N HO T NG C A CÔNG TY	5
i u 2. Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, v n phòng i di n và th i h n ho t ng c a Công ty	5
III. M C TIÊU, PH M VI KINH DOANH VÀ HO T NG C A CÔNG TY	6
i u 3. M c tiêu ho t ng c a Công ty	6
i u 4. Ph m vi kinh doanh và ho t ng	6
IV. V N I U L , C PH N, C ÔNG SÁNG L P	6
i u 5. V n i u l , c ph n, c ông sáng l p	6
i u 6. Ch ng nh n c phi u	7
i u 7. Ch ng ch ch ng khoán khác	8
i u 8. Chuy n nh ng c ph n	8
i u 9. Thu h i c ph n	8
V. C C UT CH C, QU N TR VÀ KI M SOÁT	8
i u 10. C c ut ch c, qu n tr và ki m soát	8
VI. C ÔNG VÀ I H I NG C ÔNG	9
i u 11. Quy n c a c ông	9
i u 12. Ngh a v c a c ông	10
i u 13. i h i ng c ông	10
i u 14. Quy n và nhi m v c a i h i ng c ông	11
i u 15. Các i di n c y quy n	13
i u 16. Thay i các quy n	13
i u 17. Tri u t p i h i ng c ông, ch ng trình h p và thông báo h p i h i ng c ông	14
i u 18. Các i u ki n ti n hành h p i h i ng c ông	15
i u 19. Th th c ti n hành h p và bi u quy t t i h i ng c ông	15
i u 20. Thông qua quy t nh c a i h i ng c ông	17

i u 21. Th m quy n và th th c l y ý ki n c ông b ng v n b n thông qua quy t nh c a i h i ng c ông	17
i u 22. Biên b nh p i h i ng c ông	19
i u 23. Yêu c u h y b quy t nh c a i h i ng c ông	19
VII. H I NG QU N TR	20
i u 24. Thành ph n và nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr	20
i u 25. Quy n h n và nhi m v c a H i ng qu n tr	21
i u 26. Ch t ch H i ng qu n tr	23
i u 27. Các cu c h p c a H i ng qu n tr	23
VIII. T NG GIÁM C I U HÀNH, CÁN B QU N LÝ KHÁC VÀ TH KÝ CÔNG TY	26
i u 28. T ch c b máy qu n lý	26
i u 29. Cán b qu n lý	26
i u 30. B nhi m, mi n nhi m, nhi m v và quy n h n c a T ng giám c i u hành	27
i u 31. Th ký Công ty	28
IX. BAN KI M SOÁT	28
i u 32. Thành viên Ban ki m soát	28
i u 33. Ban ki m soát	29
X. NHI M V C A THÀNH VIÊN H I NG QU N TR , THÀNH VIÊN BAN KI M SOÁT, T NG GIÁM C I U HÀNH VÀ CÁN B QU N LÝ KHÁC	30
i u 34. Trách nhi m c n tr ng	30
i u 35. Trách nhi m trung th c và tránh các xung t v quy n l i	30
i u 36. Trách nhi m v thi th i và b i th ng	31
XI. QUY N I U TRA S SÁCH VÀ H S CÔNG TY	32
i u 37. Quy n i u tra s sách và h s	32
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG OÀN	33
i u 38. Công nhân viên và công oàn	33
i u 39. Phân ph i l i nhu n	33
XIV. TÀI KHO N NGÂN HÀNG, QU D TR , N M TÀI CHÍNH VÀ H TH NG K TOÁN	34
i u 40. Tài kho n ngân hàng	34
i u 41. N m tài chính	34

i u 42. Ch k toán	34
XV. BÁO CÁO TH NG NIÊN, TRÁCH NH M CÔNG B THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHỨNG	34
i u 43. Báo cáo tài chính n m, sáu tháng và quý	34
i u 44. Báo cáo th ng ni ên.....	35
XVI. KI M TOÁN CÔNG TY	35
i u 45. Ki m toán	35
XVII. CON D U	35
i u 46. Con d u	35
XVIII. CH M D T HO T NG VÀ THANH LÝ	35
i u 47. Ch m d t ho t ng.....	35
i u 48. Gia h n ho t ng.....	36
i u 49. Thanh lý	36
XIX. GI I QUY T TRANH CH P N I B 	37
i u 50. Gi i quy t tranh ch p n i b 	37
XX. B SUNG VÀ S A I I U L 	37
i u 51. B sung và s a i i u l 	37
XXI. NGÀY HI U L C.....	37
i u 52. Ngày hi u l c	37

PH N M U

i u l này c thông qua theo quy t nh h p l c a i h i ng c ông t ch c chính th c vào ngày 14 tháng 09 n m 2013

I. NH NGH A CÁC THU T NG TRONG I U L

i u 1. Gi i thích thu t ng

1. Trong i u l này, nh ng thu t ng d i ây c hi u nh sau:
 - a. "V n i u l " là s v n do t t c các c ông óng góp và quy nh t i i u 5 i u l này;
 - b. "Lu t Doanh nghi p" có ngh a là Lu t Doanh nghi p s 60/2005/QH11 c Qu c h i thông qua ngày 29 tháng 11 n m 2005;
 - c. "Ngày thành l p" là ngày Công ty c c p Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p (Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh) l n u;
 - d. "Cán b qu n lý" là T ng giám c i u hành, Phó T ng giám c, K toán tr ng, và các v trí qu n lý khác trong Công ty c H i ng qu n tr phê chu n;
 - e. "Ng i có liên quan" là cá nhân ho c t ch c c quy nh t i Kho n 17 i u 4 Lu t Doanh nghi p;
 - f. "Th i h n ho t ng" là th i gian ho t ng c a Công ty c quy nh t i i u 2 i u l này và th i gian gia h n (n u có) c i h i ng c ông c a Công ty thông qua b ng ngh quy t;
 - g. "Vi t Nam" là n c C ng hoà Xã h i Ch ng h a Vi t Nam;
2. Trong i u l này, các tham chi u t i m t ho c m t s quy nh ho c v n b n khác bao g m c nh ng s a i ho c v n b n thay th .
3. Các tiêu (ch ng, i u c a i u l này) c s d ng nh m thu n t i n cho vi c hi u n i dung và không nh h ng t i n i dung c a i u l này.

II. TÊN, HÌNH TH C, TR S , CHI NHÁNH, V N PHÒNG I DI N VÀ TH I H N HO T NG C A CÔNG TY

i u 2. Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, v n phòng i di n và th i h n ho t ng c a Công ty

1. Tên Công ty:
 - Tên ti ng Vi t : **CÔNG TY C PH N D CH V VÀ XÂY D NG A C T XANH**
 - Tên ti ng Anh : Dat Xanh Real Estate Service and Construction Joint Stock Company.
 - Tên vi t t t : t Xanh
2. Công ty là công ty c ph n có t cách pháp nhân phù h p v i pháp lu t hi n hành c a Vi t Nam.
3. Tr s ng ký c a Công ty là:
 - a ch : 27 inh B L nh, Ph ng 24, Qu n Bình Th nh, Tp.HCM.

- Điện thoại : (84-8) 62 52 52 52
- Fax : (84-8) 62 85 38 96
- E-mail : info@datxanh.com.vn
- Website : http://www.datxanh.com.vn

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đi n theo pháp luật của Công ty.
5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng người đi n tại bàn kinh doanh thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quy định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
6. Trước khi chấm dứt hoạt động trừ trường hợp theo Khoản 2 Điều 47 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 48 Điều này, thì người n hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Kinh doanh nhà. Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất. Tư vấn bất động sản (trừ các dịch vụ mang tính chất pháp lý). Tư vấn đầu tư. Xây dựng dân dụng, công nghiệp. Sửa chữa nhà. Trang trí nội thất. Cho thuê nhà, xe, văn phòng. Lắp đặt điện tử (báo cáo tiến hành thi, khảo sát). Sản phẩm mỹ nghệ.../.
2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là Công ty sẽ thành lập huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển các hoạt động kinh doanh và dịch vụ nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa; tạo việc làm nhân viên, cải thiện môi trường làm việc và nâng cao đời sống của người lao động trong công ty; đảm bảo lợi ích cho các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty sẽ phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để thực hiện các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác theo pháp luật cho phép và các điều kiện công đồng thông qua.

IV. VỐN ĐẦU TƯ, CẤU PH N, CẤU ĐỒNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn đầu tư, cấu phần, cấu đồng sáng lập

1. Vốn đầu tư của Công ty là **1.062.454.690.000 VND** (bằng chữ : **Một ngàn không trăm sáu mươi hai tỷ bốn trăm chín mươi mốt nghìn** đồng).
- Tổng số vốn đầu tư của Công ty sẽ chia thành 106.245.469 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể tăng vốn đầu tư khi được điều kiện công đồng thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các c ph n c a Công ty vào ngày thông qua i u l này bao g m c ph n ph thông. Các quy n và ngh a v kèm theo c ph n c quy nh t i i u 11.
4. Công ty có th phát hành các lo i c ph n u ã khác sau khi có s ch p thu n c a i h i ng c ông và phù h p v i các quy nh c a pháp lu t.
5. Tên, a ch , s l ng c ph n và các chi ti t khác v c ông sáng l p theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p c nêu t i ph l c I ã kèm. Ph l c này là m t ph n c a i u l này.
6. C ph n ph thông ph i c u tiên chào bán cho các c ông hi n h u theo t l t ng ng v i t l s h u c ph n ph thông c a h trong Công ty, tr tr ng h p i h i ng c ông quy t nh khác. S c ph n c ông không ng ký mua h t s do H i ng qu n tr c a Công ty quy t nh. H i ng qu n tr có th phân ph i s c ph n ó cho các i t ng theo các i u ki n và cách th c mà H i ng qu n tr th y là phù h p, nh ng không c bán s c ph n ó theo các i u ki n thu n l i h n so v i nh ng i u ki n ã chào bán cho các c ông hi n h u tr tr ng h p c ph n c bán qua S giao d ch ch ng khoán theo ph ng th c u giá.
7. Công ty có th mua c ph n do chính công ty ã phát hành theo nh ng cách th c c quy nh trong i u l này và pháp lu t hi n hành. C ph n do Công ty mua l i là c phi u q u và H i ng qu n tr có th chào bán theo nh ng cách th c phù h p v i quy nh c a i u l này, Lu t Ch ng khoán và v n b n h ng d n liên quan.
8. Công ty có th phát hành các lo i ch ng khoán khác khi c i h i ng c ông thông qua và phù h p v i quy nh c a pháp lu t.

i u 6. Ch ng nh n c phi u

1. C ông c a Công ty c c p ch ng nh n c phi u t ng ng v i s c ph n và lo i c ph n s h u.
2. Ch ng nh n c phi u ph i có d u c a Công ty và ch ký c a i di n theo pháp lu t c a Công ty theo các quy nh t i Lu t Doanh nghi p. Ch ng nh n c phi u ph i ghi rõ s l ng và lo i c phi u mà c ông n m gi , h và tên ng i n m gi và các thông tin khác theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p.
3. Trong th i h n n m (05) ngày k t ngày n p y h s ngh chuy n quy n s h u c ph n theo quy nh c a Công ty ho c trong th i h n hai tháng (ho c th i h n khác theo i u kho n phát hành quy nh) k t ngày thanh toán y t i n mua c ph n theo nh quy nh t i ph ng án phát hành c phi u c a Công ty, ng i s h u s c ph n c c p ch ng nh n c phi u. Ng i s h u c ph n không ph i tr cho Công ty chi phí in ch ng nh n c phi u.
4. Tr ng h p ch ng nh n c phi u b h ng ho c b t y xoá ho c b ánh m t, m t c p ho c b tiêu hu , ng i s h u c phi u ó có th yêu c u c c p ch ng nh n c phi u m i v i i u ki n ph i a ra b ng ch ng v v i c s h u c ph n và thanh toán m i chi phí liên quan cho Công ty.

i u 7. Ch ng ch ch ng khoán khác

Ch ng ch trái phi u ho c các ch ng ch ch ng khoán khác c a Công ty (tr các th chào bán, các ch ng ch t m th i và các tài li u t ng t) c phát hành có d u và ch ký m u c a i di n theo pháp lu t c a Công ty.

i u 8. Chuy n nh ng c ph n

1. T t c các c ph n c t do chuy n nh ng tr khi i u l n ày và pháp lu t có quy nh khác. C phi u niêm y t trên S giao d ch ch ng khoán c chuy n nh ng theo các quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán.
2. C ph n ch a c thanh toán y không c chuy n nh ng và h ng các quy n l i liên quan nh quy n nh n c t c, quy n nh n c phi u phát hành t ng v n c ph n t ngu n v n ch s h u, quy n mua c phi u m i chào bán.

i u 9. Thu h i c ph n

1. Tr ng h p c ông không thanh toán y và úng h n s t i n phi i tr mua c phi u, H i ng qu n tr thông báo và có quy n yêu c u c ông ó thanh toán s t i n còn l i cùng v i lãi su t trên kho n t i n ó và nh ng chi phí phát sinh do vi c không thanh toán y gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên ph i ghi rõ th i h n thanh toán m i (t i thi u là b y (07) ngày k t ngày g i thông báo), a i m thanh toán và thông báo ph i ghi rõ tr ng h p không thanh toán theo úng yêu c u, s c ph n ch a thanh toán h t s b thu h i.
3. H i ng qu n tr có quy n thu h i các c ph n ch a thanh toán y và úng h n trong tr ng h p các yêu c u trong thông báo nêu trên không c th c hi n.
4. C ph n b thu h i c coi là các c ph n c quy n chào bán. H i ng qu n tr có th tr c t i p ho c y quy n bán, tái phân ph i ho c gi i quy t cho ng i ã s h u c ph n b thu h i ho c các i t ng khác theo nh ng i u ki n và cách th c mà H i ng qu n tr th y là phù h p.
5. C ông n m gi c ph n b thu h i ph i t b t cách c ông i v i nh ng c ph n ó, nh ng v n phi thanh toán t t c các kho n t i n có liên quan c ng v i t i n lãi theo t l (**không quá lãi su t huy ng bình quân liên ngân hàng m t n m**) vào th i i m thu h i theo quy t nh c a H i ng qu n tr k t ngày thu h i cho n ngày th c hi n thanh toán. H i ng qu n tr có toàn quy n quy t nh vi c c ng ch thanh toán toàn b giá tr c phi u vào th i i m thu h i.
6. Thông báo thu h i c g i n ng i n m gi c ph n b thu h i tr c th i i m thu h i. Vi c thu h i v n có hi u l c k c trong tr ng h p có sai sót ho c b t c n trong vi c g i thông báo.

V. C C U T CH C, QU N TR VÀ KI M SOÁT

i u 10. C c u t ch c, qu n tr và ki m soát

C c u t ch c qu n lý, qu n tr và ki m soát c a Công ty bao g m:

1. i h i ng c ông;

2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc điều hành.

VI. CÔNG VÀ HỘI ĐỒNG CÔNG

Điều 11. Quy định về công

1. Công là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số phần và loại phần mà sở hữu. Công chủ chịu trách nhiệm về nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ phần thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp hội đồng và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại hội đồng hoặc thông qua đại diện của quyền hoặc thực hiện biểu quyết xa;
 - b. Nhận cổ tức và lợi nhuận theo quy định của hội đồng;
 - c. Chuyển nhượng phần đã thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với loại phần thông mà sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến công trong Danh sách công cách tham gia hội đồng và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hồ sơ sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp hội đồng và các quy định của hội đồng;
 - g. Trưng họp Công ty khi thấy hợp pháp, nhằm xem xét phần tài sản còn lại tương ứng với số phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ và các công nợ mà người loại phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Công hoặc nhóm công nắm giữ trên 5% tổng số phần thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:
 - a. Các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp hội đồng theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các công có quyền tham dự và biểu quyết tại hội đồng;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng văn bản có liên quan quản lý, nội dung hành động của Công ty khi xét thẩm định. Yêu cầu phải thể hiện bản văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ, chức vụ, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác nếu văn bản công là cá nhân; tên, địa chỉ, chức vụ, quy định thành lập hoặc số giấy kinh doanh nếu văn bản công là tổ chức; số lượng vốn và thời gian ký hợp đồng, tên các thành viên nhóm công và tất cả họ trong tổng số thành viên Công ty; văn bản kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quy định khác của quy định nội bộ này.

Điều 12. Nghĩa vụ công

Công có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ nội bộ Công ty và các quy định của Công ty; chấp hành quy định của Hội đồng công, Hội đồng quản trị.
2. Tham gia các cuộc họp Hội đồng công và thực hiện quy định nội bộ quy định trình tự hợp tác thông qua Hội đồng công quy định hoặc thực hiện bằng văn bản. Công có thể quy định cho thành viên Hội đồng quản trị làm việc riêng cho mình Hội đồng công.
3. Thanh toán tiền mua chứng khoán ký mua theo quy định.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi ký mua chứng khoán.
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty đi làm việc hình thức thực hiện mặt trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác trái lợi ích công vụ lợi ích cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ của nhân viên công nợ tài chính có thể xảy ra nếu Công ty.

Điều 13. Hội đồng công

1. Hội đồng công là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Hội đồng công thành lập năm 2011 có 01 thành viên. Hội đồng công phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị tổ chức trực tiếp Hội đồng công thường niên và lựa chọn địa điểm họp. Hội đồng công thường niên quy định nội dung văn bản theo quy định của pháp luật và nội bộ Công ty, công bố thông tin qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể mời tham dự Hội đồng công nếu cần thông qua các báo cáo tài chính năm.
3. Hội đồng quản trị phải trực tiếp Hội đồng công bất kỳ trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thẩm định vì lợi ích của Công ty;

- b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kế toán của năm tài chính phản ánh về chi số hữu ích của công ty (1/2) số vốn đầu tư;
- c. Khi sự thành viên của Hội đồng quản trị hiện tại thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít nhất một thành viên quy định trong điều lệ;
- d. Công hoặc nhóm công quy định tại Khoản 3 điều 11 điều lệ này yêu cầu trực tiếp từ Hội đồng công bằng và công. Yêu cầu trực tiếp từ Hội đồng phải nêu rõ lý do và mục đích cụ thể, có thể ký các công liên quan hoặc văn bản yêu cầu các thành viên thành lập, trong đó mô tả nội dung chi tiết của nhiệm vụ công có liên quan;
- e. Ban kiểm soát yêu cầu trực tiếp cụ thể từ Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành vi hoặc có ý định hành vi ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

4. Trách nhiệm của Hội đồng công bằng

- a. Hội đồng quản trị phải trực tiếp từ Hội đồng công bằng trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày sự thành viên Hội đồng quản trị còn lại quy định tại Điều 3 điều 13 hoặc nội dung yêu cầu quy định tại Điều 3 này và Điều 3 điều 13;
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không trực tiếp từ Hội đồng công bằng theo quy định tại Điều 4 điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị trực tiếp từ Hội đồng công bằng theo quy định Khoản 5 điều 97 Luật Doanh nghiệp;
- c. Trường hợp Ban kiểm soát không trực tiếp từ Hội đồng công bằng theo quy định tại Điều 4 điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, công đồng, nhóm công đồng yêu cầu quy định tại Điều 3 này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trực tiếp từ Hội đồng công bằng theo quy định Khoản 6 điều 97 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, công hoặc nhóm công trực tiếp từ Hội đồng công bằng có quyền nghiên cứu quan sát kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục trực tiếp, tiến hành họp và ra quyết định của Hội đồng công. Tất cả chi phí cho việc trực tiếp và tiến hành họp của Hội đồng công của công ty hoàn toàn do công đồng chi trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do công đồng chi tiêu khi tham gia Hội đồng công, kể cả chi phí nhân viên.

Điều 14. Quy định và nhiệm vụ của Hội đồng công

- 1. Hội đồng công bằng thường niên có quyền theo dõi và thông qua:
 - a. Báo cáo tài chính năm của kế toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. i h i ng c ông th ng niên và b t th ng thông qua quy t nh v các v n sau:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính n m;
 - b. M c c t c thanh toán hàng n m cho m i lo i c ph n phù h p v i Lu t Doanh nghi p và các quy n g n li n v i lo i c ph n ó. M c c t c này không cao h n m c mà H i ng qu n tr ngh sau khi ã tham kh o ý ki n các c ông t i i h i ng c ông;
 - c. S l ng thành viên c a H i ng qu n tr ;
 - d. L a ch n công ty ki m toán;
 - e. B u, mi n nhi m, bãi nhi m và thay th thành viên H i ng qu n tr và Ban ki m soát;
 - f. T ng s t i n thù lao c a các thành viên H i ng qu n tr và Báo cáo t i n thù lao c a H i ng qu n tr ;
 - g. B sung và s a i i u l Công ty;
 - h. Lo i c ph n và s l ng c ph n m i c phát hành i v i m i lo i c ph n và vi c chuy n nh ng c ph n c a thành viên sáng l p trong vòng ba n m u tiên k t ngày thành l p;
 - i. Chia, tách, h p nh t, sáp nh p ho c chuy n i Công ty;
 - j. T ch c l i và gi i th (thanh lý) Công ty và ch nh ng i thanh lý;
 - k. Ki m tra và x lý các vi ph m c a H i ng qu n tr ho c Ban ki m soát gây thi t h i cho Công ty và các c ông c a Công ty;
 - l. Quy t nh giao d ch bán tài s n Công ty ho c chi nhánh ho c giao d ch mua có giá tr t 50% tr lên t ng giá tr tài s n c a Công ty và các chi nhánh c a Công ty c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t c ki m toán;
 - m. Công ty mua l i h n 10% m t lo i c ph n phát hành;
 - n. Vi c T ng giám c i u hành ng th i làm Ch t ch H i ng qu n tr ;
 - o. Công ty ho c các chi nhánh c a Công ty ký k t h p ng v i nh ng ng i c quy nh t i Kho n l i u 120 Lu t Doanh nghi p v i giá tr b ng ho c l n h n 20% t ng giá tr tài s n c a Công ty và các chi nhánh c a Công ty c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t c ki m toán;
 - p. Các v n khác theo quy nh c a i u l này và các quy ch khác c a Công ty.
3. Công ông không c tham gia b phi u trong các tr ng h p sau ây:
 - a. Thông qua các h p ng quy nh t i Kho n l i u 14 khi c ông ó ho c ng i có liên quan t i c ông ó là m t bên c a h p ng;
 - b. Vi c mua l i c ph n c a c ông ó ho c c a ng i có liên quan t i c ông ó tr tr ng h p vi c mua l i c ph n c th c hi n theo t l s h u c a t t c các c ông ho c vi c mua l i c th c hi n thông qua kh p l nh ho c chào mua công khai trên S giao d ch ch ng khoán.

4. Tất cả các ngh quyết và các văn bản đưa vào chương trình hợp pháp của ra tholon và biểu quyết thì hiện nay công.

Điều 15. Các điều kiện quy định

1. Các công có quyền tham dự hiện nay công theo luật pháp có thể quyền cho điều kiện của mình tham dự. Trong hợp có nhu cầu thông tin điều kiện các thì phải xác nhận các thành phần và số phiếu bầu của quyền cho mình điều kiện.
2. Việc quy định cho người điều kiện hợp pháp hiện nay công phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trong hợp công cá nhân là người quy định thì giấy quy định phải có chữ ký của công đó và người quy định hợp;
 - b. Trong hợp người điều kiện theo quy định của công là thành viên là người quy định thì giấy quy định phải có chữ ký của người điều kiện theo quy định, người điều kiện theo pháp luật của công và người quy định hợp;
 - c. Trong hợp khác thì giấy quy định phải có chữ ký của người điều kiện theo pháp luật của công và người quy định hợp.

Người quy định hợp pháp hiện nay công phải nộp văn bản quy định trước khi vào phòng họp.

3. Trong hợp luật thay thế cho người quy định ký giấy chuyển điều kiện, việc chuyển điều kiện trong hợp này chỉ coi là có hiệu lực nếu giấy chuyển điều kiện đó có xuất trình cùng với giấy quy định cho luật sư hoặc bản sao hợp pháp của giấy quy định (nếu có của người ký tại Công ty).

4. Trong hợp quy định tại Khoản 3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người quy định hợp pháp trong phạm vi của quyền văn bản có hiệu lực khi có mặt trong các hợp sau đây:

- a. Người quy định bất chấp, bất hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bất chấp năng lực hành vi dân sự;
- b. Người quy định bất chấp việc chuyển nhượng;
- c. Người quy định bất chấp thẩm quyền của người thẩm định việc quy định.

Điều khoản này không áp dụng trong hợp Công ty nhận thông báo về mặt trong các sự kiện trên thực tế khai mạc cuộc họp hiện nay công hoặc thực tế khi cuộc họp kết thúc.

Điều 16. Thay đổi các quy định

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quy định bất thành lập văn bản nội dung pháp lý của hội đồng có hiệu lực khi các công nhân giảm ít nhất 65% thành phần thông qua nghị quyết của hội đồng nhân giảm ít nhất 75% quyền biểu quyết của hội đồng nhân nói trên biểu quyết thông qua. Việc thực hiện cuộc họp của các công nhân giảm mặt nội dung pháp lý của hội đồng nhân nói trên thông qua việc thay đổi quy định nêu trên chỉ có giá trị khi có ít nhất hai (02) công nhân (hoặc điều kiện quy định)

c a h) và n m gi t i thi u m t ph n ba (1/3) giá tr m nh giá c a các c ph n lo i ó ã phát hành. Tr ng h p không có s i bi u nh nêu trên thì cu c h p c t ch c l i trong vòng ba m i (30) ngày sau ó và nh ng ng i n m gi c ph n thu c lo i ó (không ph thu c vào s l ng ng i và s c ph n) có m t tr c ti p ho c thông qu a i đi n c u quy n u c coi là s l ng i bi u yêu c u. T i các cu c h p c a c ông n m gi c ph n u ã nêu trên, nh ng ng i n m gi c ph n thu c lo i ó có m t tr c ti p ho c qua ng i i đi n có th yêu c u b phi u kín. M i c ph n cùng lo i có quy n bi u quy t ngang b ng nhau t i các cu c h p nêu trên.

2. Th t c ti n hành các cu c h p riêng bi t nh v y c th c hi n t ng t v i các quy nh t i i u 18 và i u 20 i u l này.
3. Tr khi các i u kho n phát hành c ph n quy nh khác, các quy n c bi t g n li n v i các lo i c ph n có quy n u ã i v i m t s ho c t t c các v n liên quan n vi c phân ph i l i nhu n ho c tài s n c a Công ty không b thay i khi Công ty phát hành thêm các c ph n cùng lo i.

i u 17. Tri u t p i h i ng c ông, ch ng trình h p và thông báo h p i h i ng c ông

1. H i ng qu n tr tri u t p i h i ng c ông ho c i h i ng c ông c tri u t p theo các tr ng h p quy nh t i i m b ho c i m c Kho n 4 i u 13 i u l này.
2. Ng i tri u t p i h i ng c ông ph i th c hi n nh ng nhi m v sau ây:
 - a. Chu n b danh sách các c ông i u ki n tham gia và bi u quy t t i i h i ch m nh t ba m i (30) ngày tr c ngày b t u ti n hành i h i ng c ông; ch ng trình h p , và các tài li u theo quy nh phù h p v i lu t pháp và các quy nh c a Công ty;
 - b. Xác nh th i gian và a i m t ch c i h i ;
 - c. Thông báo và g i thông báo h p i h i ng c ông cho t t c các c ông có quy n d h p.
3. Thông báo h p i h i ng c ông c g i cho t t c các c ông ng th i công b trên ph ng ti n thông tin c a S giao d ch ch ng khoán, trên trang thông tin i n t (website) c a công ty. Thông báo h p i h i ng c ông ph i c g i ít nh t m i l m (15) ngày tr c ngày h p i h i ng c ông, (tính t ngày mà thông báo c g i ho c chuy n i m t cách h p l , c tr c c phí ho c c b vào hòm th). Ch ng trình h p i h i ng c ông, các tài li u liên quan n các v n s c bi u quy t t i i h i c g i cho các c ông ho c/và ng trên trang thông tin i n t c a Công ty. Trong tr ng h p tài li u không c g i kèm thông báo h p i h i ng c ông, thông báo m i h p ph i nêu rõ a ch trang thông tin i n t các c ông có th ti p c n.
4. C ông ho c nhóm c ông c c p t i Kho n 3 i u 11 i u l này có quy n xu t các v n a vào ch ng trình h p i h i ng c ông. xu t ph i c làm b ng v n b n và ph i c g i cho Công ty ít nh t ba (03) ngày làm vi c tr c ngày khai m c i h i ng c ông. xu t ph i bao g m h và tên c ông, s l ng và lo i c ph n ng i ó n m gi , và n i dung ngh a vào ch ng trình h p.

5. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông có quy n t ch i nh ng xu t liên quan n Kho n 4 i u 17 trong các tr ng h p sau:
 - a. xu t c g i n không úng th i h n ho c không , không úng n i dung;
 - b. Vào th i i m xu t, c ông ho c nhóm c ông không có ít nh t 5% c ph n ph thông trong th i gian liên t c ít nh t sáu (06) tháng theo quy nh t i Kho n 3 i u 11 i u l này;
 - c. V n xu t không thu c ph m vi th m quy n c a i h i ng c ông bàn b c và thông qua;
 - d. Các tr ng h p khác.
6. H i ng qu n tr ph i chu n b d th o ng quy t cho t ng v n trong ch ng trình h p.
7. Tr ng h p t t c c ông i di n 100% s c ph n có quy n bi u quy t tr c ti p tham d ho c tham d thông qua i di n c u quy n t i i h i ng c ông, nh ng quy t nh c i h i ng c ông nh t trí thông qua u c coi là h p l k c trong tr ng h p vi c tri u t p i h i ng c ông không theo úng trình t và th t c ho c n i dung bi u quy t không có trong ch ng trình.

i u 18. Các i u ki n t i n hành h p i h i ng c ông

1. i h i ng c ông c t i n hành khi có s c ông d h p i di n cho ít nh t 65% c ph n có quy n bi u quy t.
2. Tr ng h p không có s l ng i bi u c n thi t trong vòng ba m i (30) phút k t th i i m n nh khai m c i h i, ng i tri u t p h p hu cu c h p. i h i ng c ông ph i c tri u t p l i trong vòng ba m i (30) ngày k t ngày d nh t ch c i h i ng c ông l n th nh t. i h i ng c ông tri u t p l i ch c t i n hành khi có thành viên tham d là các c ông và nh ng i di n c u quy n d h p i di n cho ít nh t 51% c ph n có quy n bi u quy t.
3. Tr ng h p i h i l n th hai không c t i n hành do không có s i bi u c n thi t trong vòng ba m i (30) phút k t th i i m n nh khai m c i h i, i h i ng c ông l n th ba có th c tri u t p trong vòng hai m i (20) ngày k t ngày d nh t i n hành i h i l n hai và trong tr ng h p này i h i c t i n hành không ph thu c vào s l ng c ông hay i di n u quy n tham d và c coi là h p l và có quy n quy t nh t t c các v n đ ki n c phê chu n t i i h i ng c ông l n th nh t.

i u 19. Th th c t i n hành h p và bi u quy t t i i h i ng c ông

1. Vào ngày t ch c i h i ng c ông, Công ty ph i th c hi n th t c ng ký c ông và ph i th c hi n vi c ng ký cho n khi các c ông có quy n d h p có m t ng ký h t.
2. Khi t i n hành ng ký c ông, Công ty c p cho t ng c ông ho c i di n c u quy n có quy n bi u quy t m t th bi u quy t, trên ó ghi s ng ký, h và tên c a c ông, h và tên i di n c u quy n và s phi u bi u quy t c a c ông ó. Khi t i n hành bi u quy t t i i h i, s th tán thành ngh quy t c thu tr c, s th ph n i ngh quy t c thu sau, cu i cùng m t ng s phi u tán thành hay ph n i quy t nh. T ng s phi u tán thành, ph n i, b

phiếu trưng hoc không hợp lệ thì việc này do Chủ tịch thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết và nêu rõ. Hội đồng trưng cầu ý kiến chịu trách nhiệm kiểm tra phiếu trưng hoc giám sát kiểm tra phiếu theo quy định của Chủ tịch. Thành viên của ban kiểm tra phiếu do Hội đồng trưng cầu quy định theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Công nhân do Hội đồng trưng cầu mua có quyền ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết thì Hội đồng trưng cầu không có trách nhiệm đối với Hội đồng trưng cầu mua không ký và hủy bỏ các phiếu trưng cầu hành chính khi Hội đồng trưng cầu mua tham dự không bình thường.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tịch các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt thì mời thành viên khác làm việc thì các thành viên còn lại biểu quyết trong sự làm chủ tịch cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất lúc bấy giờ do Hội đồng trưng cầu bầu chủ tịch cuộc họp trong sự bình thường và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tịch cuộc họp.
Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Hội đồng trưng cầu lúc bấy giờ do Hội đồng trưng cầu bầu chủ tịch cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất của cuộc họp làm chủ tịch cuộc họp.
5. Chủ tịch là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Hội đồng trưng cầu.
6. Chủ tịch Hội đồng trưng cầu có thể hoãn Hội đồng trưng cầu khi có sự bất đồng ý kiến của Hội đồng trưng cầu đã có sự biểu quyết biểu quyết.
7. Chủ tịch của Hội đồng trưng cầu có thể tiến hành các hoạt động cần thiết lúc bấy giờ do Hội đồng trưng cầu quyết định và có thể triệu tập Hội đồng trưng cầu họp nhằm mục đích biểu quyết biểu quyết.
8. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các công nhân đi đến cuộc trưng cầu ý kiến tham dự Hội đồng trưng cầu trưng cầu kiểm tra hồ sơ các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có công nhân đi đến cuộc trưng cầu ý kiến không tuân thủ quy định về kiểm tra hồ sơ các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét mặt cách trưng cầu có thể triệu tập Hội đồng trưng cầu trưng cầu ý kiến nêu trên tham dự Hội đồng trưng cầu.
9. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét mặt cách trưng cầu, có thể tiến hành các biện pháp trưng cầu Hội đồng quản trị cho là thích hợp:
 - a. Bồi trí chính trị và cải thiện Hội đồng trưng cầu;
 - b. Bảo đảm an toàn cho những người có mặt tại các cuộc trưng cầu;
 - c. Tạo điều kiện cho công nhân tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Hội đồng trưng cầu.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi nội dung các biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nêu trên Hội đồng quản trị triệu tập. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào các hoạt động bình thường hình thức khác.

10. Trong trường hợp tiếp thị hàng công có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác nhận thẩm định có thể:

- a. Thông báo tiếp thị hành động thẩm định ghi trong thông báo và chốt thẩm định có mặt tiếp thị (“ thẩm định chính xác thẩm định”);
- b. Bổ trí, tổ chức nhân công công học đi đến quy định không chấp hành theo yêu cầu của nhà sản xuất nếu nhà sản xuất tham gia thẩm định khác với thẩm định chính xác thẩm định có thẩm định tham định thẩm định;

Thông báo về việc tổ chức thẩm định không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo yêu cầu của nhà sản xuất.

11. Trong nội dung này (trừ khi hoàn toàn yêu cầu khác), mọi công việc coi là tham gia tiếp thị thẩm định chính xác thẩm định.

Hàng năm Công ty tổ chức tiếp thị hàng công ít nhất một (01) lần. Tiếp thị hàng công thường niên không tổ chức dưới hình thức lý thuyết và thực hành.

Điều 20. Thông qua quy định thẩm định hàng công

1. Trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 20, các quy định thẩm định hàng công và các văn bản sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các công đồng quản lý quy định có mặt trực tiếp hoặc thông qua đi đến quy định có mặt tiếp thị hàng công:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;
- c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo về Hội đồng quản trị nhiệm vụ giám đốc điều hành.

2. Các quy định thẩm định hàng công liên quan đến việc mua và bán hàng, loại phí và số lượng phí chào bán, việc tổ chức mua hay ghi nhận doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất của kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu của các công đồng quản lý quy định có mặt trực tiếp hoặc thông qua đi đến quy định có mặt tiếp thị hàng công (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các công đồng quản lý quy định chấp thuận (nếu việc trường hợp lý thuyết công việc thực hành).

Điều 21. Thẩm định quy định và thực hiện lý thuyết công việc thực hành thông qua quy định thẩm định hàng công

Thẩm định quy định và thực hiện lý thuyết công việc thực hành thông qua quy định thẩm định hàng công được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quy định lý thuyết công việc thực hành thông qua quy định thẩm định hàng công công việc thực hành nào đó xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

d. T ng s phi u tán thành, không tán thành và không có ý ki n i v i t ng v n ;

e. Các quy t nh ã c thông qua;

f. H , tên, ch ký c a Ch t ch H i ng qu n tr , ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty và c a ng i giám sát ki m phi u.

Các thành viên H i ng qu n tr và ng i giám sát ki m phi u ph i liên i ch u trách nhi m v tính trung th c, chính xác c a biên b n ki m phi u; liên i ch u trách nhi m v các thi t h i phát sinh t các quy t nh c thông qua do ki m phi u không trung th c, không chính xác.

6. Biên b n ki m phi u ph i c công b trên website c a Công ty trong th i h n hai m i t (24) gi và g i n các c ông trong vòng m i l m (15) ngày, k t ngày k t thúc ki m phi u.

7. Phi u l y ý ki n ã c tr l i, biên b n ki m phi u, toàn v n ngh quy t ã c thông qua và tài li u có liên quan g i kèm theo phi u l y ý ki n u ph i c l u gi t i tr s chính c a Công ty.

8. Quy t nh c thông qua theo hình th c l y ý ki n c ông b ng v n b n ph i c s c ông i di n ít nh t 75% t ng s c ph n có quy n bi u quy t ch p thu n và có giá tr nh quy t nh c thông qua t i cu c h p i h i ng c ông.

i u 22. Biên b n h p i h i ng c ông

Ng i ch tr i h i ng c ông ch u trách nhi m t ch c l u tr các biên b n i h i ng c ông. Biên b n i h i ng c ông ph i c công b trên website c a Công ty trong th i h n hai m i b n (24) gi và g i cho t t c các c ông trong th i h n m i l m (15) ngày k t ng ày i h i ng c ông k t thúc. Biên b n i h i ng c ông c coi là b ng ch ng xác th c v nh ng công vi c ã c ti n hành t i i h i ng c ông tr khi có ý ki n ph n i v n i dung biên b n c a ra theo úng th t c quy nh trong vòng m i (10) ngày k t khi g i biên b n. Biên b n ph i c l p b ng ti ng Vi t, có ch ký xác nh n c a Ch t a i h i và Th ký và c l p theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p và i u l này. Các b n ghi chép, biên b n, s ch ký c a các c ông đ h p và v n b n u quy n tham d ph i c l u gi t i tr s chính c a Công ty.

i u 23. Yêu c u h y b quy t nh c a i h i ng c ông

Trong th i h n chín m i (90) ngày, k t ngày nh n c biên b n h p i h i ng c ông ho c biên b n k t qu ki m phi u l y ý ki n i h i ng c ông, c ông, thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng giám c i u hành có quy n yêu c u Toà án ho c Tr ng tài xem xét, hu b quy t nh c a i h i ng c ông trong các tr ng h p sau ây:

1. Trình t và th t c tri u t p h p i h i ng c ông không th c hi n úng theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p và i u l Công ty.

2. Trình t , th t c ra quy t nh và n i dung quy t nh vi ph m pháp lu t ho c i u l Công ty.

Tr ng h p quy t nh c a i h i ng c ông b hu b theo quy t nh c a Toà án ho c Tr ng tài, ng i tri u t p cu c h p i h i ng c ông b hu b có th xem xét t ch cli i h i ng c ông trong vòng 30 ngày theo trình t , th t c quy nh t i Lu t Doanh nghi p và i u l này.

VII. H I NG QU N TR

i u 24. Thành ph n và nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr

1. S l ng thành viên H i ng qu n tr ít nh t là n m (05) ng i và nhi u nh t là m i m t (11) ng i. Nhi m k c a H i ng qu n tr là n m (05) n m. Nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr không quá n m (05) n m; thành viên H i ng qu n tr có th c b u l i v i s nhi m k không h n ch . T ng s thành viên H i ng qu n tr c l p ph i chi m ít nh t m t ph n ba (1/3) t ng s thành viên H i ng qu n tr . S l ng t i thi u thành viên H i ng qu n tr không i u hành/ c l p c xác nh theo ph ng th c làm tròn xu ng.
2. Các c ông n m gi c ph n có quy n bi u quy t trong th i h n liên t c ít nh t sáu (06) tháng có quy n g p s quy n bi u quy t c a t ng ng i l i v i nhau c các ng viên H i ng qu n tr . C ông ho c nhóm c ông n m gi t 5% n d i 10% t ng s c ph n có quy n bi u quy t c c m t (01) ng viên; t 10% n d i 30% c c t i a hai (02) ng viên; t 30% n d i 40% c c t i a ba (03) ng viên; t 40% n d i 50% c c t i a b n (04) ng viên; t 50% n d i 60% c c t i a n m (05) ng viên; t 60% n d i 70% c c t i a sáu (06) ng viên; t 70% n 80% c c t i a b y (07) ng viên; và t 80% n d i 90% c c t i a tám (08) ng viên.
3. Tr ng h p s l ng các ng viên H i ng qu n tr thông qua c và ng c v n không s l ng c n thi t, H i ng qu n tr ng nhi m có th c thêm ng c viên ho c t ch c c theo c ch c Công ty quy nh t i Quy ch n i b v qu n tr công ty. C ch c hay cách th c H i ng qu n tr ng nhi m c ng c viên H i ng qu n tr ph i c công b rõ ràng và ph i c i h i ng c ông thông qua tr c khi t i n hành c .
4. Thành viên H i ng qu n tr không còn t cách thành viên H i ng qu n tr trong các tr ng h p sau:
 - a. Thành viên ó không t cách làm thành viên H i ng qu n tr theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p ho c b lu t pháp c m không c làm thành viên H i ng qu n tr ;
 - b. Thành viên ó g i n b ng v n b n xin t ch c n tr s chính c a Công ty;
 - c. Thành viên ó b r i lo n tâm th n và thành viên khác c a H i ng qu n tr có nh ng b ng ch ng chuyên môn ch ng t ng i ó không còn n ng l c hành vi;
 - d. Thành viên ó không tham d các cu c h p c a H i ng qu n tr liên t c trong vòng sáu (06) tháng mà không có s ch p thu n c a H i ng qu n tr và H i ng qu n tr quy t nh ch c v c a ng i này b b tr ng;
 - e. Thành viên ó b b i nhi m theo quy t nh c a i h i ng c ông.
5. H i ng qu n tr có th b nhi m ng i khác t m th i làm thành viên H i ng qu n tr thay th ch tr ng phát sinh và thành viên m i này ph i c ch p thu n t i i h i ng c ông ngay t i p sau ó. Sau khi c i h i ng c ông ch p thu n, vi c b nhi m thành viên m i ó c coi là có hi u l c vào ngày c H i ng qu n tr b nhi m. Nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr m i c tính t ngày vi c b nhi m có hi u l c n ngày k t thúc nhi m k

c a Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không có hiện công chức, nhiệm vụ quy định của Hội đồng quản trị cho đến khi nhiệm kỳ kết thúc, Hội đồng có sự tham gia bổ nhiệm quy định của thành viên Hội đồng quản trị thay thế và được coi là có hiệu lực.

6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về kế toán và thủ tục kế toán.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là nhân viên của Công ty.

Điều 25. Quy định và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và kiểm soát của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có ý kiến quyết định tất cả các quy định nhân danh Công ty trừ những quy định về hiện công chức.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

3. Quy định và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quy định của hiện công chức quy định. Các Hội đồng quản trị có những quy định và nhiệm vụ sau:

a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược của hiện công chức thông qua;

c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo nghĩa của Tổng giám đốc điều hành và quy định của pháp luật;

d. Quyết định cấu trúc của Công ty;

e. Giám quyết các khoản ưu đãi của Công ty đối với các cán bộ quản lý công nhân viên chức là chủ nhân của Công ty giám quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với các cán bộ quản lý đó;

f. Xuất các loại chứng phí có thể phát hành và tăng số chứng phí phát hành theo từng loại;

g. Xuất việc phát hành trái chứng phí chuyển nhượng và các chứng quy định cho phép người sở hữu mua chứng phí theo mức giá nhất định;

h. Quyết định giá chào bán trái chứng phí, chứng phí và các chứng khoán chuyển nhượng trong trường hợp hiện công chức quy định;

i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không trái với các quy định theo hợp đồng của nhân viên bổ nhiệm (nếu có);

j. Báo cáo hiện công chức về việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành;

k. Xuất mặt cắt hàng năm và xác định mặt cắt tài chính; thực hiện việc chi trả cổ tức;

l. Xuất việc thực hiện lịch sử của Công ty.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê duyệt:
- Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - Thành lập các công ty con của Công ty;
 - Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 108 Luật Doanh nghiệp và trong trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp phải do Hội đồng phê duyệt, Hội đồng quản trị tùy tình hình quy định về thẩm quyền, sai phạm và xử lý các hợp đồng của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh);
 - Chức vụ và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị của Công ty và Luật sư của Công ty;
 - Việc vay nợ và việc thế chấp các khoản tiền, bảo lãnh và bảo hiểm của Công ty;
 - Các khoản thuế không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp từ các công ty khác của thành lập Việt Nam hay nước ngoài;
 - Việc nhả giá các tài sản góp vào Công ty không phải liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - Việc công ty mua hoặc thuê nhà không quá 10% mức lợi nhuận;
 - Quy định mức giá mua hoặc thuê nhà của Công ty;
 - Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quy định phải có sự chấp thuận trong phạm vi quy định và trách nhiệm của mình.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Hội đồng về hoạt động của mình, có thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị và Hội đồng giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Hội đồng, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chấp thuận của Hội đồng quản trị thông qua.
6. Trường hợp luật pháp và điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện của quyền thay thế) chịu trách nhiệm lao động cho công việc của mình dưới cách là thành viên Hội đồng quản trị. Trách nhiệm lao động cho Hội đồng quản trị do Hội đồng quy định. Khoản thù lao này sẽ chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận.
8. Trách nhiệm trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác của công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty

và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là i di n ph n v n góp ph i c công b chi ti t trong báo cáo th ng niên c a Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị n m gi ch c v i u hành ho c thành viên Hội đồng quản trị làm vi c t i các t i u ban c a Hội đồng quản trị ho c th c hi n nh ng công vi c khác mà theo Hội đồng quản trị là n m ngoài ph m vi nhi m v thông th ng c a m t thành viên Hội đồng quản trị , có th c tr thêm t i n thù lao d i d ng m t kho n t i n công tr n gói theo t ng l n, l ng, hoa h ng, ph n tr m l i nhu n ho c d i hình th c khác theo quy t nh c a Hội đồng quản trị .
10. Thành viên Hội đồng quản trị có quy n c thanh toán t t c các chi phí i l i, n, và các kho n chi phí h p lý khác mà h ã ph i chi tr khi th c hi n trách nhi m thành viên Hội đồng quản trị c a mình, bao g m c các chi phí phát sinh trong vi c t i tham d các cu c h p i h i ng c ông, Hội đồng quản trị ho c các t i u ban c a Hội đồng quản trị .

i u 26. Ch t ch Hội đồng quản trị

1. i h i ng c ông ho c Hội đồng quản trị ph i l a ch n trong s các thành viên Hội đồng quản trị b u ra m t Ch t ch. Tr khi i h i ng c ông quy t nh khác, Ch t ch Hội đồng quản trị không kiêm nhi m ch c v T ng giám c i u hành c a Công ty. Vi c Ch t ch Hội đồng quản trị kiêm nhi m ch c T ng giám c i u hành ph i c phê chu n hàng n m t i i h i ng c ông th ng niên.
2. Ch t ch Hội đồng quản trị có trách nhi m tri u t p và làm ch to i h i ng c ông và các cu c h p c a Hội đồng quản trị , ng th i có nh ng quy n và trách nhi m khác quy nh t i i u l này và Lu t Doanh nghi p.
3. Ch t ch Hội đồng quản trị ph i có trách nhi m m b o vi c Hội đồng quản trị g i báo cáo tài chính n m, báo cáo ho t ng c a Công ty, báo cáo ki m toán và báo cáo ki m tra c a Hội đồng quản trị cho các c ông t i i h i ng c ông.
4. Tr ng h p Ch t ch Hội đồng quản trị t ch c ho c b bãi nhi m, Hội đồng quản trị ph i b u ng i thay th trong th i h n m i (10) ngày.

i u 27. Các cu c h p c a Hội đồng quản trị

1. Tr ng h p Hội đồng quản trị b u Ch t ch thì cu c h p u tiên c a nhi m k Hội đồng quản trị b u Ch t ch và ra các quy t nh khác thu c th m quy n ph i c t i n hành trong th i h n b y (07) ngày làm vi c, k t ngày k t thúc b u c Hội đồng quản trị nhi m k ó. Cu c h p này do thành viên có s phi u b u cao nh t tri u t p. Tr ng h p có nhi u h n m t (01) thành viên có s phi u b u cao nh t ngang nhau thì các thành viên này b u m t ng i trong s h tri u t p h p Hội đồng quản trị theo nguyên t c a s .
2. Ch t ch Hội đồng quản trị ph i tri u t p các cu c h p Hội đồng quản trị th ng k , l p ch ng trình ngh s , th i gian và a i m h p ít nh t n m (05) ngày tr c ngày h p d ki n. Ch t ch có th tri u t p h p b t k khi nào th y c n thi t, nh ng ít nh t là m i quý ph i h p m t (01) l n.
3. Ch t ch Hội đồng quản trị tri u t p các cu c h p b t th ng khi th y c n thi t vì l i ích c a Công ty. Ngoài ra, Ch t ch Hội đồng quản trị ph i tri u t p h p Hội đồng quản trị , không c trì hoãn

nếu không có lý do chính đáng, khi mặt trong sổ các sổ tính để này ngừng bán và trình bày mục đích cụ thể và các vấn đề nêu trên:

a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất 5 (05) cán bộ quản lý khác;

b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

c. Ban kiểm soát.

4. Các cụ thể Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 của Điều 27 phải có tiến hành trong thời hạn 15 (15) ngày sau khi có xuất phát. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp hành theo yêu cầu thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra với Công ty; những người khác cụ thể nêu tại Khoản 3 của Điều 27 có thể tự mình chấp hành Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chấp hành Hội đồng quản trị báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Các cụ thể Hội đồng quản trị có tiến hành đánh giá ký của Công ty hoặc những cách khác Việt Nam hoặc nước ngoài theo quy định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thủ tục của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo chấp hành Hội đồng quản trị phải có gửi trực tiếp cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 5 (05) ngày trước khi thực hiện, các thành viên Hội đồng có thể chỉ thông báo miệng bằng văn bản và việc chỉ này có thể có hiệu lực. Thông báo chấp hành Hội đồng phải có làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo ý kiến, thời gian, địa điểm, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề bàn bạc và biểu quyết từ các cụ thể chấp hành Hội đồng và các phụ thuộc cho những thành viên Hội đồng không thể chấp hành.

Thông báo miệng bằng văn bản, fax, điện thoại hoặc những cách khác, những phụ thuộc báo cáo cách chấp hành Hội đồng quản trị có ký tại Công ty.

8. Các cụ thể của Hội đồng quản trị liên quan đến việc có tiến hành các quy định khi có ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đi (người cụ thể quy định).

Trường hợp không có thành viên chấp hành theo quy định, các cụ thể phải chấp hành trong thời hạn 15 (15) ngày kể từ ngày diễn ra họp liên quan. Các cụ thể chấp hành phải có tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị chấp hành.

9. Biểu quyết.

a. Trường hợp nhất định là Khoản 9 của Điều 27, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người cụ thể quy định có mặt về mặt cá nhân từ các cụ thể chấp hành Hội đồng quản trị có mặt (01) phụ thuộc biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không có biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không

c tính vào số lượng bị xử lý thi u c n thi t có m t có th t ch c cu c h p H i ng qu n tr v nh ng quy t nh mà thành viên ó không có quy n bi u quy t;

c. Theo quy nh t i i m d Kho n 9 i u 27, khi có v n phát sinh trong m t cu c h p c a H i ng qu n tr liên quan n l i ích c a thành viên H i ng qu n tr ho c liên quan n quy n bi u quy t m t thành viên mà nh ng v n ó không c gi i quy t b ng vi c t nguy n t b quy n bi u quy t c a thành viên H i ng qu n tr có liên quan, nh ng v n phát sinh ó c chuy n t i cho ch to cu c h p quy t nh. Phán quy t c a ch to liên quan n v n này có giá tr là quy t nh cu i cùng tr tr ng h p tính ch t ho c ph m vi l i ích c a thành viên H i ng qu n tr liên quan ch a c công b y ;

d. Thành viên H i ng qu n tr h ng l i t m t h p ng c quy nh t i i m a và i m b Kho n 4 i u 35 i u l này c coi là có l i ích áng k trong h p ng ó.

10. Thành viên H i ng qu n tr tr c t i p ho c gián t i p c h ng l i t m t h p ng ho c giao d ch ã c ký k t ho c ang d ki n ký k t v i Công ty và bi t b n thân là ng i có l i ích trong ó có trách nhi m công khai b n ch t, n i dung c a quy n l i ó trong cu c h p mà H i ng qu n tr l n u tiên xem xét v n ký k t h p ng ho c giao d ch này. Tr ng h p m t thành viên H i ng qu n tr không bi t b n thân và ng i liên quan có l i ích vào th i i m h p ng, giao d ch c ký v i Công ty, thành viên H i ng qu n tr này ph i công khai các l i ích liên quan t i cu c h p u tiên c a H i ng qu n tr c t ch c sau khi thành viên này bi t r ng mình có l i ích ho c s có l i ích trong giao d ch ho c h p ng liên quan.

11. H i ng qu n tr thông qua các quy t nh và ra ng h quy t trên c s ý ki n tán thành c a a s thành viên H i ng qu n tr có m t (trên 50%). Tr ng h p s phi u tán thành và ph n i ngang b ng nhau, phi u bi u quy t c a Ch t ch H i ng qu n tr là phi u quy t nh.

12. Cu c h p c a H i ng qu n tr có th t ch c theo hình th c ngh s gi a các thành viên c a H i ng qu n tr khi t t c ho c m t s thành viên ang nh ng a i m khác nhau v i i u ki n là m i thành viên tham gia h p u có th :

a. Nghe t ng thành viên H i ng qu n tr khác cùng tham gia phát bi u trong cu c h p;

b. Phát bi u v i t t c các thành viên tham d khác m t cách ng th i.

Vi c trao i gi a các thành viên có th th c hi n m t cách tr c t i p qua i n tho i ho c b ng ph ng t i n liên l c thông tin khác (k c vi c s d ng ph ng t i n này di n ra vào th i i m thông qua i u l hay sau này) ho c là k t h p t t c nh ng ph ng th c này. Thành viên H i ng qu n tr tham gia cu c h p nh v y c coi là “có m t” t i cu c h p ó. a i m cu c h p c t ch c theo quy nh này là a i m mà nhóm thành viên H i ng qu n tr ông nh t t p h p l i, ho c n u không có m t nhóm nh v y, là a i m mà Ch to cu c h p hi n di n.

Các quy t nh c thông qua trong m t cu c h p qua i n tho i c t ch c và t i n hành m t cách h p th c có hi u l c ngay khi k t thúc cu c h p nh ng ph i c kh ng nh b ng các ch ký trong biên b n c a t t c thành viên H i ng qu n tr tham d cu c h p này.

13. Ngh quy t theo hình th c l y ý ki n b ng v n b n c thông qua trên c s ý ki n tán thành c a a s thành viên H i ng qu n tr có quy n bi u quy t. Ngh quy t này có hi u l c và giá tr nh ngh quy t c các thành viên H i ng qu n tr thông qua t i cu c h p c tri u t p và t ch c theo thông l .
14. Ch t ch H i ng qu n tr có trách nhi m chuy n biên b n h p H i ng qu n tr cho các thành viên và biên b n ó là b ng ch ng xác th c v công vi c ã c ti n hành trong các cu c h p ó tr khi có ý ki n ph n i v n i dung biên b n trong th i h n m i (10) ngày k t khi chuy n i. Biên b n h p H i ng qu n tr c l p b ng ti ng Vi t và ph i có ch ký c a t t c các thành viên H i ng qu n tr tham d cu c h p ho c Biên b n c l p thành nhi u b n và m i biên b n có ch ký c a ít nh t m t (01) thành viên H i ng qu n tr tham gia cu c h p.
15. H i ng qu n tr có th thành l p và u quy n cho các ti u ban tr c thu c. Thành viên c a ti u ban có th g m m t ho c nhi u thành viên c a H i ng qu n tr và m t ho c nhi u thành viên bên ngoài theo quy t nh c a H i ng qu n tr . Trong quá trình th c hi n quy n h n c u thác, các ti u ban ph i tuân th các quy nh mà H i ng qu n tr ra. Các quy nh này có th i u ch nh ho c cho phép k t n p thêm nh ng ng i không ph i là thành viên H i ng qu n tr vào các ti u ban nêu trên và cho phép ng i ó c quy n bi u quy t v i t cách thành viên c a ti u ban nh ng (a) ph i m b o s l ng thành viên bên ngoài ít h n m t n a t ng s thành viên c a ti u ban và (b) ngh quy t c a các ti u ban ch có hi u l c khi có a s thành viên tham d và bi u quy t t i phiên h p c a ti u ban là thành viên H i ng qu n tr .
16. Vi c th c thi quy t nh c a H i ng qu n tr , ho c c a ti u ban tr c thu c H i ng qu n tr , ho c c a ng i có t cách thành viên ti u ban H i ng qu n tr c coi là có giá tr pháp lý k c trong trong tr ng h p vi c b u, ch nh thành viên c a ti u ban ho c H i ng qu n tr có th có sai sót.

VIII. T NG GIÁM C I U HÀNH, CÁN B QU N LÝ KHÁC VÀ TH KÝ CÔNG TY

i u 28. T ch c b máy qu n lý

H th ng qu n lý c a Công ty ph i m b o b máy qu n lý ch u trách nhi m tr c H i ng qu n tr và tr c thu c s lãnh o c a H i ng qu n tr . Công ty có m t (01) T ng giám c i u hành, các Phó T ng giám c i u hành và m t K toán tr ng và các ch c danh kh ác do H i ng qu n tr b nhi m. Vi c b nhi m m i n nhi m, bãi nhi m các ch c danh nêu trên ph i c th c hi n b ng ngh quy t H i ng qu n tr c thông qua m t cách h p th c.

i u 29. Cán b qu n lý

1. Theo ngh c a T ng giám c i u hành và c s ch p thu n c a H i ng qu n tr , Công ty c tuy n d ng cán b qu n lý c n thi t, v i s l ng và ch t l ng phù h p v i c c u và thông l qu n lý công ty do H i ng qu n tr xu t tu t ng th i i m. Cán b qu n lý ph i có s m n cán c n thi t các ho t ng và t ch c c a Công ty t c các m c tiêu ra.
2. M c l ng, t i n thù lao, l i ích và các i u kho n khác trong h p ng lao ng i v i T ng giám c i u hành do H i ng qu n tr quy t nh và h p ng v i nh ng cán b qu n lý khác do H i ng qu n tr quy t nh sau khi tham kh o ý ki n c a T ng giám c i u hành.

i u 30. B nh i m, m i n nh i m, nh i m v và quy n h n c a T ng giám c i u hành

1. H i ng qu n tr b nh i m m t thành viên trong H i ng ho c m t ng i khác làm T ng giám c i u hành; ký h p ng trong ó quy nh m c l ng, thù lao, l i ích và các i u kho n khác liên quan khác. Thông tin v m c l ng, tr c p, quy n l i c a T ng giám c i u hành ph i c báo cáo t i i h i ng c ông th ng niên và c nêu trong Báo cáo th ng niên c a Công ty.
2. Nhi m k c a T ng giám c i u hành là ba (03) n m và có th c tái b nh i m. Vi c b nh i m có th h t hi u l c c n c vào các quy nh t i h p ng lao ng. T ng giám c i u hành không ph i là ng i mà pháp lu t c m gi ch c v này.
3. T ng giám c i u hành có nh ng quy n h n và trách nhi m sau:
 - a. Th c hi n các ngh quy t c a H i ng qu n tr và i h i ng c ông, k ho ch kinh doanh và k ho ch u t c a Công ty ã c H i ng qu n tr và i h i ng c ông thông qua;
 - b. Quy t nh t t c các v n không c n ph i có ngh quy t c a H i ng qu n tr, bao g m vi c thay m t Công ty ký k t các h p ng tài chính và th ng m i, t ch c và i u hành ho t ng s n xu t kinh doanh th ng nh t c a Công ty theo nh ng thông l qu n lý t t nh t;
 - c. K i n ngh s l ng và các lo i cán b qu n lý mà Công ty c n tuy n d ng H i ng qu n tr b nh i m ho c m i n nh i m nh m th c hi n các ho t ng qu n lý t t theo xu t c a H i ng qu n tr, và t v n H i ng qu n tr quy t nh m c l ng, thù lao, các l i ích và các i u kho n khác c a h p ng lao ng c a cán b qu n lý;
 - d. Tham kh o ý k i n c a H i ng qu n tr quy t nh s l ng ng i lao ng, m c l ng, tr c p, l i ích, vi c b nh i m, m i n nh i m và các i u kho n khác liên quan n h p ng lao ng c a h ;
 - e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng n m, T ng giám c i u hành ph i trình H i ng qu n tr phê chu n k ho ch kinh doanh chi ti t cho n m tài chính t i p theo trên c s áp ng các yêu c u c a ngân sách phù h p c ng nh k ho ch tài chính n m (05) n m;
 - f. xu t nh ng bi n pháp nâng cao ho t ng và qu n lý c a Công ty;
 - g. Chu n b các b n d toán dài h n, hàng n m và hàng quý c a Công ty (sau ây g i là b n d toán) ph c v ho t ng qu n lý dài h n, hàng n m và hàng quý c a Công ty theo k ho ch kinh doanh. B n d toán hàng n m (bao g m c b ng cân i k toán, báo cáo k t qu ho t ng kinh doanh và báo cáo l u chuy n t i n t d k i n) cho t ng n m tài chính ph i c trình H i ng qu n tr thông qua và ph i bao g m nh ng thông tin quy nh t i các quy ch c a Công ty;
 - h. Th c hi n t t c các ho t ng khác theo quy nh c a i u l này và các quy ch c a Công ty, các ngh quy t c a H i ng qu n tr, h p ng lao ng c a T ng giám c i u hành và pháp lu t.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp Hội đồng quản trị và chỉ huy công việc vì các hiện tượng và quy định của giao và phi báo cáo các cơ quan này khi cần yêu cầu.
5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc chịu trách nhiệm khi các thành viên Hội đồng quản trị đề nghị có quy định quy tắc tán thành và bổ nhiệm mới Tổng giám đốc chịu trách nhiệm thay thế.

Điều 31. Thủ ký Công ty

Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thủ ký Công ty vì nhiệm vụ và nhiệm vụ của họ theo quy định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thủ ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm mới hay nhậm Tr lý Thủ ký Công ty tùy tình hình. Vai trò và nhiệm vụ của Thủ ký Công ty bao gồm:

1. Chủ trì các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ huy công việc theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.
2. Tổ chức và thực hiện các cuộc họp.
3. Tham dự các cuộc họp.
4. Đảm bảo các quy định của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.
5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thủ ký công ty có trách nhiệm báo cáo thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kế toán công lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Tổ chức họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan báo cáo Ban kiểm soát;

- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị và Hội đồng công.
2. Các công có quy định số phiếu bầu quy định tại nghị định liên nhau của các thành viên Ban kiểm soát. Công có nhóm công nhân giới từ 5% đến 10% tổng số phần có quy định bầu quy định của một (01) thành viên; từ 10% đến 30% của các địa phương (02) thành viên; từ 30% đến 40% của các địa phương (03) thành viên; từ 40% đến 50% của các địa phương (04) thành viên; từ 50% đến 60% của các địa phương (05) thành viên.
 3. Trường hợp số lượng các thành viên Ban kiểm soát thông qua của và người không số lượng nhân sự, Ban kiểm soát người nào có thể thêm người hoặc bớt người theo chế độ công ty quy định tại Quy định nội bộ quản trị công ty. Chế độ Ban kiểm soát người nào của thành viên Ban kiểm soát phải công bố rõ ràng và phải công bố Hội đồng công thông qua trước khi tiến hành của.
 4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Hội đồng công bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể bầu lại nhiệm kỳ không hạn chế.
 5. Thành viên Ban kiểm soát không còn các cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên có pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
 - b. Thành viên có chức vụ trong bộ phận thông báo công bố nội bộ chính của Công ty;
 - c. Thành viên có liên quan thân thích và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng minh họ không còn năng lực hành vi dân sự;
 - d. Thành viên có vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tiếp trong vòng sáu (06) tháng liên tiếp không được số phiếu bầu của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định罢免 của người này bất cứ khi nào;
 - e. Thành viên có cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Hội đồng công.

Điều 33. Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quy định nhiệm vụ và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp và Điều này, chủ yếu là những quy định nhiệm vụ và trách nhiệm sau đây:
 - a. Hỗ trợ lãnh đạo công ty kiểm toán nội bộ, kiểm soát chi phí và quản lý tài sản có liên quan;
 - b. Tổ chức và kiểm toán viên nội bộ và tính chính xác và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - c. Xin ý kiến từ các chuyên gia pháp lý và kiểm toán tham gia các nhà chuyên gia bên ngoài công ty và kinh nghiệm chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nhân sự nhân sự;
 - d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;

- e. Th o lu n v nh ng v n khó kh n và t n t i phát hi n t các k t qu ki m toán gi a k ho c cu i k c ng nh m i v n mà ki m toán viên c l p mu n bàn b c;
 - f. Xem xét th qu n lý c a ki m toán viên c l p và ý ki n ph n h i c a ban qu n lý công ty;
 - g. Xem xét báo cáo c a công ty v các h th ng ki m soát n i b tr c khi H i ng qu n tr ch p thu n; và
 - h. Xem xét nh ng k t qu i u tra n i b và ý ki n ph n h i c a ban qu n lý.
2. Thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c i u hành và cán b qu n lý khác ph i cung c p t t c các thông tin và tài li u liên quan n ho t ng c a Công ty theo yêu c u c a Ban ki m soát. Th ký Công ty ph i b o m r ng toàn b b n sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung c p cho các thành viên H i ng qu n tr và b n sao các biên b n h p H i ng qu n tr ph i c cung c p cho thành viên Ban ki m soát vào cùng th i i m chúng c cung c p cho H i ng qu n tr .
 3. Ban ki m soát có th ban hành các quy nh v các cu c h p c a Ban ki m soát và cách th c ho t ng c a Ban ki m soát. Ban ki m soát ph i h p t i thi u hai (02) l n m t n m và s l ng thành viên tham gia các cu c h p t i thi u là hai (02) ng i.
 4. M c thù lao c a các thành viên Ban ki m soát do i h i ng c ông quy t nh. Thành viên c a Ban ki m soát c thanh toán các kho n chi phí i l i, khách s n và các chi phí phát sinh m t cách h p lý khi h tham gia các cu c h p c a Ban ki m soát ho c th c thi các ho t ng khác c a Ban ki m soát.

X. NHI M V C A THÀNH VIÊN H I NG QU N TR , THÀNH VIÊN BAN KI M SOÁT, T NG GIÁM C I U HÀNH VÀ CÁN B QU N LÝ KHÁC

i u 34. Trách nhi m c n tr ng

Thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng giám c i u hành và cán b qu n lý khác có trách nhi m th c hi n các nhi m v c a mình, k c nh ng nhi m v v i t cách thành viên các t i u ban c a H i ng qu n tr , m t cách trung th c vì l i ích cao nh t c a Công ty và v i m c c n tr ng mà m t ng i th n tr ng ph i có khi m nhi m v trí t ng ng và trong hoàn c nh t ng t .

i u 35. Trách nhi m trung th c và tránh các xung t v quy n l i

1. Thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng giám c i u hành và cán b qu n lý khác không c phép s d ng nh ng c h i kinh doanh có th mang l i l i ích cho Công ty vì m c ích cá nhân; ng th i không c s d ng nh ng thông tin có c nh ch c v c a mình t l i cá nhân hay ph c v l i ích c a t ch c ho c cá nhân khác.
2. Thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng giám c i u hành và cán b qu n lý khác có ngh a v thông báo cho H i ng qu n tr t t c các l i ích có th gây xung t v i l i ích c a Công ty mà h có th c h ng thông qua các pháp nhân kinh t , các giao d ch ho c cá nhân khác.

3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc cho lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan từ các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc cho lãnh nêu trên đã có sự chấp thuận.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan như hoặc công ty, tác nhân, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan như là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không vô hiệu hóa trong các trường hợp sau đây:
 - a. Giá trị hợp đồng có giá trị tối đa 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yêu cầu quản trị về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc từ ban liên quan. Ngoài ra, Hội đồng quản trị hoặc từ ban chấp hành cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng các phương pháp thanh toán thành công thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;
 - b. Giá trị những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yêu cầu quản trị về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các công đồng không có lợi ích liên quan có quy định về quy tắc vận hành, và những công đồng đó đã được thanh toán thành công hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó có một trong các tiêu chí sau đây để công đồng và hợp lý xét trên mối quan hệ liên quan đến các công đồng của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này của Hội đồng quản trị hoặc từ ban chấp hành của Hội đồng quản trị hay các công đồng cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được công bố của công ty hoặc từ lợi ích khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bất thành

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác vì phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình vì sự mất mát của công ty và những người chuyên môn phụ thuộc vào trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bị thiệt hại cho những người khác, hàng hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ kiện tụng, kiện, khởi kiện (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là người đi làm của Công ty quy định hoặc người đó đã hoặc đang làm theo

yêu cầu của Công ty với cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đi đến theo quy định của Công ty với điều kiện người có hành vi trung thực, cẩn trọng, minh bạch và lợi ích cho công ty không chỉ lợi ích cá nhân của Công ty, trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có bất kỳ hành vi vi phạm pháp luật nào. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo quy định của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đi đến theo quy định của Công ty về Công ty bất kỳ thời điểm thành lập liên quan trong các vụ kiện, khởi kiện (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

- a. Hành vi trung thực, cẩn trọng, minh bạch và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ pháp luật và không có bất kỳ hành vi vi phạm pháp luật nào.
3. Chi phí bất kỳ bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phí thanh toán phát sinh trong suốt quá trình tố tụng coi là mức hợp lý khi gì quy định trong văn bản này trong khuôn khổ pháp luật cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người có trách nhiệm bất kỳ nêu trên.

XI. QUY ĐỊNH VỀ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 37. Quy định về sách và hồ sơ

1. Công nhân nhóm công nhân cấp 2 Điều 24 và Điều 32 Điều này có quy định tiếp theo qua quy định quy định, ghi vắn tắt yêu cầu kiểm tra danh sách công nhân, các biên bản họp hội đồng và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ có trong giấy tờ và tài liệu chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đi đến quy định của công nhân kèm theo giấy quy định của công nhân mà người đi đến hoặc mặt bên sao công nhân của giấy quy định này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có quy định kiểm tra sổ sách của Công ty, danh sách công nhân và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới công việc của mình với điều kiện các thông tin này phải công bố.
3. Công ty phải lập Điều này và những bản sao bổ sung Điều này, Giấy chứng nhận kinh doanh, các quy định, các tài liệu chứng minh quy định tài sản, quy định hội đồng và Hội đồng quản trị, biên bản họp hội đồng và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất kỳ giấy tờ nào khác theo quy định pháp luật tài liệu chính hoặc mặt bên khác với điều kiện là các công nhân và quan hệ kinh doanh công bố và miễn trừ các giấy tờ này.
4. Điều này Công ty phải công bố trên website của công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG OÀN

Điều 38. Công nhân viên và công oàn

1. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm lập kế hoạch Hội đồng quản trị thông qua các văn bản liên quan nhân viên tuyển dụng, cho nghỉ lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật vì nghỉ lao động và cán bộ quản lý.
2. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm lập kế hoạch Hội đồng quản trị thông qua các văn bản liên quan quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chu trình, thông lệ và chính sách quản lý nhân sự, nội dung thông lệ và chính sách quy định trong Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LI NHU N

Điều 39. Phân phối lợi nhuận

1. Hội đồng quản trị quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm cho lợi nhuận của Công ty.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ngừng trả cổ tức để kiểm tra xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lợi của công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới mất lợi ích phi thuế.
4. Hội đồng quản trị có thể ngừng Hội đồng quản trị thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay khoản tiền khác liên quan tới mất lợi ích phi thuế của chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền ngân Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên các các thông tin chi tiết từ ngân hàng do công ty cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết từ ngân hàng do công ty cung cấp mà công ty có không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho công ty khác. Việc thanh toán cổ tức bằng cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán có thể thực hiện thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định mặt ngày chốt danh sách công ty. Căn cứ theo ngày đó, nội dung nghị quyết ký với cách công ty hoặc người sở hữu các chứng khoán khác của quy định của pháp luật, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các văn bản khác liên quan đến phân phối lợi nhuận của công ty thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUẢN LÝ, NỘM TÀI CHÍNH VÀ HỒ THỐNG KÊ TOÁN

i u 40. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của các quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tại Việt Nam hoặc quốc tế tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

i u 41. Nợ tài chính

Nợ tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày ưu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày tháng 31 của tháng 12. Nợ tài chính ưu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày tháng 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

i u 42. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác của Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Nội dung hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải chứng minh và ghi trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng tiếng Việt Nam (hoặc quốc tế do chuyển đổi trong trường hợp cần quan hệ nước ngoài có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tính dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THỐNG KÊ NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

i u 43. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phi kiểm toán theo quy định tại Điều 45 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc nhiệm kỳ tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm miễn phí cho công chúng thông qua các quan có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và các quan quản lý kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình vốn và lợi của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính..

- Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho các quan thuế liên quan và các quan hệ ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.
- Các báo cáo tài chính kế toán (bao gồm ý kiến của kế toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải công bố trên website của Công ty.
- Các thành viên, cá nhân quan tâm sử dụng quyền kiểm tra hồ sơ sao chép bản báo cáo tài chính năm kế toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giới hạn vì lợi ích của Công ty, thì trừ chi phí của Công ty và phải trả một phần chi phí hợp lý cho việc sao chép.

Điều 44. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KẾ TOÁN CÔNG TY

Điều 45. Kế toán

- Chỉ định công đồng thường niên chính thức của công ty kế toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kế toán độc lập và yêu cầu họ ký và quy định cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kế toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện tho thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chịu trách nhiệm và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kế toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
- Công ty kế toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kế toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- Bản sao của báo cáo kế toán độc lập gửi kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
- Kế toán viên thực hiện việc kế toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp chỉ định công đồng và các quy định khác thông báo và các thông tin khác liên quan đến chỉ định công đồng mà các công đồng quy định và các phát biểu ý kiến từ chỉ định viên các vấn đề có liên quan đến kế toán.

XVII. CON DŨ

Điều 46. Con dũa

- Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dũa chính thức của Công ty và con dũa các khác theo quy định của luật pháp.
- Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành sản xuất và quản lý con dũa theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẾ ĐỘ THO T NG VÀ THANH LÝ

Điều 47. Chế độ thoái ng

- Công ty có thể giải thể hoặc chế độ thoái ng trong những trường hợp sau:

- a. Khi kết thúc thi hành hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã giải ngân;
 - b. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c. Giám đốc thi hành theo quy định của Điều lệ Công ty;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giám đốc Công ty thi hành (kể cả thi hành đã giải ngân) do Điều lệ Công ty quy định, Hội đồng quản trị chấp thuận. Quy định giám đốc này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu có) theo quy định.

Điều 48. Giải ngân hoạt động

1. Hội đồng quản trị ủy quyền giám đốc Công ty ít nhất bằng (07) tháng trước khi kết thúc thi hành hoạt động Công ty có thể ủy quyền vì việc giải ngân hoạt động của Công ty theo quy định của Hội đồng quản trị.
2. Thi hành hoạt động của giải ngân khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các công đồng có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền có mặt tại Điều lệ Công ty thông qua.

Điều 49. Thanh lý

1. Từ thời điểm sáu (06) tháng trước khi kết thúc thi hành hoạt động của Công ty hoặc sau khi có mặt quy định giám đốc Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Điều lệ Công ty chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chọn từ các thành viên công ty kế toán trưởng. Ban thanh lý chịu trách nhiệm các quy định hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể là nhân viên Công ty hoặc chuyên gia ngoài. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý của Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh và ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kết thúc nhiệm vụ, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tài sản của công ty thanh lý sẽ thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bồi dưỡng cho công nhân viên;
 - c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản khác của Công ty;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ (a) và (e) trên đây sẽ phân chia cho các công đồng. Các công đồng ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 50. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Tranh chấp phát sinh tranh chấp hay khi union có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tài sản quy định và nghĩa vụ của các công đồng theo quy định nội bộ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định là:

a. Công đồng nội Công ty;

b. Công đồng nội Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp,

Các bên liên quan cùng giải quyết tranh chấp có thông qua thủ tục lắng nghe và hoà giải. Tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ giải quyết tranh chấp và yêu cầu bên trình bày các yếu tố liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bên nào có thể yêu cầu hội đồng chuyên gia độc lập hành động với cách là trợ tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Tranh chấp không thuộc quy định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần kể từ quá trình hoà giải hoặc nếu quy định của trung gian hoà giải không có các bên chấp nhận, bên nào có thể đưa tranh chấp ra Tòa tài phán kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục lắng nghe và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án có thể chi trả theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SAU NỘI DUNG

Điều 51. Bổ sung và sau nội dung

1. Việc bổ sung, sửa đổi nội dung này phải có sự đồng ý của Hội đồng xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa có trong bản nội dung này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những nội dung trong nội dung này thì những quy định của pháp luật có hiệu lực tự nhiên áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 52. Ngày hiệu lực

1. Bản nội dung này gồm 21 chương 52 điều có hiệu lực kể từ ngày Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Xanh nhận thức thông qua theo Nghị quyết số 01/NQ-HC ngày 12 tháng 05 năm 2014 và cùng chấp thu nội dung toàn văn của nội dung này.

Nội dung này có hiệu lực, bổ sung theo mục III điều 11 Nghị quyết số 01/NQ-HC ngày 12 tháng 05 năm 2014.

2. Nội dung có hiệu lực thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. Mã số (01) ban hành tại Phòng công chứng Nhà nước địa phương

b. Nội dung (05) ban hành ký tịch quan chính quy định theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố ;

c. Ban (04) ban hành tại Trích lục chính của Công ty.

3. Nội dung này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục nội dung Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tập thể từ hai (1/2) thành viên Hội đồng quản trị.

H, tên, chữ ký của người đi nhận theo pháp luật hoặc các công chứng lập hoặc chữ ký của người đi nhận theo quy định của công chứng lập của Công ty./.

